

Số: /TB - ĐHNN

Hà Nội ngày 28 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

Lịch nộp chứng chỉ ngoại ngữ thứ 2 năm 2023 để phủ điểm và xác định Chuẩn đầu ra dành cho Khóa QH.2023

Để phục vụ cho việc phủ điểm và xác định Chuẩn đầu ra các học phần Ngoại ngữ thứ 2 năm 2023, Phòng Đào tạo thông báo về lịch và quy trình nộp các chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế và Vstep trong 04 đợt, cụ thể như sau:

1. Thời gian: 28/8/2023 – 28/9/2023

Để thuận lợi cho công tác hậu kiểm chứng chỉ, Nhà trường khuyến khích sinh viên sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ phổ biến. Trong trường hợp chứng chỉ không thể hậu kiểm, Nhà trường từ chối xét miễn học và phủ điểm cho sinh viên. Đọc <https://daotao.ulis.vnu.edu.vn/huong-dan-hoc-ngoai-ngu-o-dai-hoc-ngoai-ngu-dhqghn/> để biết thêm chi tiết.

2. Quy trình:

A. Chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế: (IELTS, TOEIC, TOPIK, HSK, JLPT...) *Bảng quy đổi mức điểm sang trình độ được đính kèm thông báo này.*

- Sinh viên đọc kỹ hướng dẫn khai báo trong <https://bit.ly/phudiemmienhocNN2QH2023>, điền các thông tin trong Google form chính xác. Đơn khai báo tải từ địa chỉ: <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/nn-trong-dhqg/van-ban-bieu-mau-nn-trong-dhqg/>. Link chỉ mở khi đến hạn đăng kí.
- Sau khi nhận được hồ sơ, phòng Đào tạo tiến hành hậu kiểm, gửi email xác thực thông tin cho sinh viên. Sau 03 tuần kể từ ngày kết thúc nhận đơn, Phòng Đào tạo ra Quyết định miễn học và công nhận điểm cho sinh viên. Quyết định kèm danh sách các chứng chỉ được công nhận được gửi cho sinh viên và về các Khoa đào tạo để phối hợp thực hiện và lưu trữ. Sinh viên xem kết quả tại website: <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/nn-trong-dhqg/ket-qua-hoc-tap-nn-trong-dhqg/>.

B. Chứng chỉ ngoại ngữ VSTEP

- Sinh viên tải “Đơn xin phủ điểm NN2 -VSTEP” trên biểu mẫu, nộp cho VPK vào cuối mỗi học kì/ hoặc trước các đợt xét tốt nghiệp. Sinh viên dự thi Vstep là đối tượng thí sinh tự do cần nộp cùng đơn bản photo chứng chỉ VSTEP được cấp.
- Giáo vụ khoa kiểm tra học phần đã tích lũy/ chưa tích lũy trên Portal, lập danh sách tổng hợp excel bản mềm và bản cứng có chữ kí BCN Khoa, chuyển cho Chuyên viên Trần Thị Thuỳ Linh - Phòng Đào tạo.

Đề nghị các đơn vị đào tạo trong Trường thông báo đến sinh viên do đơn vị mình được biết và thực hiện./

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Khoa đào tạo (để phối hợp);
- Phòng TT-PC (để biết)
- Lưu: HCTH, ĐT, L20.

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Quỳnh Hoa

Phụ lục 2. Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với yêu cầu chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ (*)

2.1. Tiếng Anh

KNLNNVN	IELTS	TOEFL	Aptis ESOL	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	B1	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP 3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B2	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP 3-5 (6.0)
Bậc 5	7.0	95 iBT	C1	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	VSTEP 3-5 (8.5)

2.2. Một số thứ tiếng khác

2.2.1. Tiếng Nga

Khung NLNNVN	TPKH
Bậc 3	TPKH-1
Bậc 4	TPKH-2
Bậc 5	TPKH-3

2.2.2. Tiếng Pháp

Khung NLNNVN	DELF-DALF	TCF
Bậc 3	DELF B1	TCF B 1
Bậc 4	DELF B2	TCF B 2
Bậc 5	DALF C1	TCF C1

2.2.3. Tiếng Trung

(Yêu cầu đạt HSK và HSK K)

Khung NLNNVN	HSK
Bậc 3	HSK Bậc 3
Bậc 4	HSK Bậc 4
Bậc 5	HSK Bậc 5 và HSK K cao cấp

2.2.4. Tiếng Đức

Khung NLNNVN	Goethe-Zertifikat	TELC Deutsch	DSD	ÖSD -Zertifikat	TestDaF	ECL
Bậc 3	B1	B1	I	B1	TDN3	B1
Bậc 4	B2	B2	II (Viết/ nói: 8-11 điểm; Nghe/ đọc: 8-13 điểm)	B2	TDN4	B2
Bậc 5	C1	C1	II (Viết/ nói: 12-24 điểm; Nghe/ đọc: 14-24 điểm)	C1	TDN5	C1

2.2.5. Tiếng Nhật

Khung NLNNVN	JLPT	NAT-TEST	J-TEST
Bậc 3	N3	3Q	500
Bậc 4	N2	2Q	600
Bậc 5	N1	1Q	700

2.2.6. Tiếng Hàn

Khung NLNNVN	TOPIK
Bậc 3	II (bậc 3)
Bậc 4	II (bậc 4)
Bậc 5	II (bậc 5)

(*) Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được; trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CDR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên. Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác tiếng Anh có 3 kỹ năng Nghe - Đọc - Viết được công nhận là TOPIK (tiếng Hàn), JLPT, NAT-TEST, J-TEST (tiếng Nhật), TCF (Tiếng Pháp);

- Đối với một số chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không thông dụng khác, các đơn vị gửi chứng chỉ đến Trường ĐHQGHN để xác định việc quy đổi tương đương; ĐHQGHN không công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./

ĐƠN XIN XÁC NHẬN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ - Dành cho CC Quốc tế

Nhập các thông tin theo link sau: goo.gl/9eqotU – Nộp cho P. Đào tạo

(Link mở trong thời gian thông báo lịch nộp các Chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế hàng năm của P. Đào tạo)

Họ và tên :

Ngày tháng năm sinh:

Mã số SV:

Là sv khóa QH 20

CTĐT: Chuẩn/CLC VNU/CLC TT23:

Khoa:

Trường :

SĐT :

E-mail:

Chứng chỉ NN gì (IELTS, JLPT...)

Ngày thi:

Số hiệu chứng chỉ:

Đạt trình độ bậc (theo bảng quy đổi)

Điểm đạt được:

Số CMND:

Sinh viên xem Portal để điền chính xác các thông tin sau:

Các học phần NN2 đã tích lũy: (Ghi rõ CHƯA nếu chưa tích lũy):

HP	Điểm	Thời gian tích lũy	HP	Điểm	Thời gian tích lũy
		Học kì .. năm học			Học kì .. năm học

		Học kì .. năm học			Học kì .. năm học
--	--	-------------------	--	--	-------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 20 SV kí tên:

Em tên là:

Đã nộp Cc ngoại ngữ (IELTS, JLPT...):

Vào ngày:

Phòng đào tạo kí tên

Sinh viên trước QH.2019 CTĐT Chuẩn cần học các học phần CS1, CS2, CS3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên CLC VNU cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CDR bậc 4 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học T. Anh cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CDR bậc 5 T. Anh
Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học tiếng khác T. Anh cần học CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CDR bậc 4.
Sinh viên QH.2019 chuẩn cần học học phần B1 và đạt CDR bậc 3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên QH.2019 CLC TT23 học T. Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CDR bậc 5.
Sinh viên từ QH.2019 CLC TT23 học các tiếng khác T.Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CDR bậc 4.
Sinh viên từ QH.2022 học các tiếng khác T.Anh cần học B1 hoặc B2 và đạt CDR bậc 3 hoặc bậc 4.

ĐƠN XIN PHỦ ĐIỂM NGOẠI NGỮ 2 – Dành cho Chứng chỉ VSTEP

(Sinh viên đọc kỹ lộ trình học bên dưới để điền đơn chính xác) – Nộp cho VPK

LƯU
Văn phòng Khoa

HỌ VÀ TÊN: _____ QH.20.....

MSSV: _____ Ngày sinh:.....

Số CMND/ CCCD _____ Số vào sổ _____

Số vào sổ (đối với thí sinh đăng ký thi là thí sinh tự do): _____

LỚP: _____ Số điện thoại: _____ E-mail: _____

CTĐT: Chuẩn CLC VNU CLCTT23 KHOA: _____

Đã đạt trình độ ngoại ngữ: Bậc 1: Bậc 2: Bậc 3: Bậc 4: Bậc 5:

Tại Kỳ thi ĐGNL ngoại ngữ tiếng Anh ngày tháng năm 20

Các học phần NN2 đã tích lũy trên Portal ở thời điểm nộp đơn (X): (Ghi rõ Chưa nếu chưa tích lũy HP nào) _____

Học phần	CS1	CS2	CS3	CS4	B1	CLC1	CLC2
Thời gian đạt	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...
Điểm học phần							

Các học phần ngoại ngữ 2 sẽ được phủ điểm (X):

CS1	CS2	CS3	CS4	B1	CLC1	CLC2	CDR

Đã nhận đơn của sinh viên: _____

Mssv _____ Vào ngày: _____

Giáo vụ các khoa đào tạo:

Căn cứ điểm các kì thi ĐGNL được chuyển về để xác nhận trình độ NN cho sinh viên do Khoa mình quản lý.

Căn cứ vào dữ liệu điểm sinh viên trên phần mềm quản lý đào tạo để xác nhận các học phần ngoại ngữ 2 sinh viên đã tích lũy

*Sinh viên trước QH.2019 CTĐT Chuẩn cần học các học phần CS1, CS2, CS3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên CLC VNU cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CDR bậc 4 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học T. Anh cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CDR bậc 5 T. Anh
Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học tiếng khác T. Anh cần học CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CDR bậc 4.
Sinh viên QH.2019 chuẩn cần học học phần B1 và đạt CDR bậc 3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)
Sinh viên từ QH.2019 CLC TT23 học T. Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CDR bậc 5.
Sinh viên từ QH.2019 CLC TT23 học các tiếng khác T.Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CDR bậc 4.
Sinh viên từ QH.2022 học các tiếng khác T.Anh cần học B1 hoặc B2 và đạt CDR bậc 3 hoặc bậc 4.*

Giáo vụ Khoa
(Kí và ghi rõ họ tên)

ĐƠN XIN PHỦ ĐIỂM NGOẠI NGỮ 2 – Dành cho sv thi ĐGNLNN khác TA
(Sinh viên đọc kỹ lộ trình học bên dưới để điền đơn chính xác)

HỌ VÀ TÊN: _____ QH.20.....

LƯU
Văn phòng Khoa

MSSV: _____ Ngày sinh:.....

Số CMND/ CCCD: (để tra cứu điểm Vstep) _____

Số vào sổ (đối với thí sinh đăng ký là thí sinh tự do): _____

LỚP: _____ Số điện thoại: _____ E-mail: _____

CTĐT: Chuẩn CLC vnu CLCTT23 KHOA: _____

Ngoại ngữ 2: Tiếng.....

Đã đạt trình độ ngoại ngữ: Bậc 1: Bậc 2: Bậc 3: Bậc 4:
Bậc 5:

Tại Kỳ thi ĐGNL ngoại ngữ ngày tháng năm 20

Số hiệu chứng chỉ: _____

Các học phần ngoại ngữ 2 đã tích lũy trên Portal ở thời điểm nộp đơn (X):

Học phần	CS1	CS2	CS3	CS4	B1	CLC1	CLC2
Thời gian đạt	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...	HK....20...20...
Điểm học phần							

Các học phần ngoại ngữ 2 sẽ được phủ điểm (X):

CS1	CS2	CS3	CS4	B1	CLC1	CLC2	CĐR

Đã nhận đơn của sinh viên: _____

Mssv _____ **Vào ngày:** _____

Giáo vụ các khoa đào tạo: Căn cứ điểm các kì thi ĐGNL được chuyển về để xác nhận trình độ NN cho sinh viên do Khoa mình quản lý.

lũy Căn cứ vào dữ liệu điểm sinh viên trên phần mềm quản lý đào tạo để xác nhận các học phần ngoại ngữ 2 sinh viên đã tích

Sinh viên trước QH.2019 CTĐT Chuẩn cần học các học phần CS1, CS2, CS3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)

Sinh viên CLC VNU cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 4 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)

Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học T. Anh cần học các học phần CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 5 T. Anh

Sinh viên QH.2018 CLC TT23 học tiếng khác T. Anh cần học CS1, CS2, CS3, CS4 và đạt CĐR bậc 4.

Sinh viên QH.2019 chuẩn cần học học phần B1 và đạt CĐR bậc 3 (T.Anh và các ngoại ngữ khác T.Anh)

Sinh viên từ QH.2019 CLC TT23 học T. Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CĐR bậc 5.

Sinh viên từ QH.2019 CLC TT23 học các tiếng khác T.Anh cần học CLC1, CLC2 và đạt CĐR bậc 4.

Giáo vụ Khoa
(Kí và ghi rõ họ tên)